

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dá

2. Ông Võ Tấn Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bé E, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp Thạnh B, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ cư trú: ấp Tà Đ, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền ngày 12 tháng 3 năm 2021).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tà Đ, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt ngày 01-02-2021).

Địa chỉ: ấp Tà Đ, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2020 và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Kim Điền P trình bày như sau:

Ngày 10-4-2015 bà Phan Thị Bé E cho vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Diệu L vay số tiền 90.000.000 đồng, để tiêu dùng, lãi suất 3%/tháng, thỏa thuận khi nào cần thiết bà sẽ lấy, bà L có làm biên nhận và ký tên. Sau khi vay vợ chồng bà L không có đóng lãi nên bà yêu cầu vợ chồng bà L trả tiền vay nhưng vợ chồng bà L không trả. Bà Phan Thị Bé E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Diệu L trả số tiền 90.000.000 đồng, không đồng ý cho bà L trả nhiều lần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L trình bày:

Bà L thừa nhận vào ngày 10-04-2015 bà có vay của bà Phan Thị Bé E số tiền là 90.000.000 đồng, để làm vốn làm ăn, lãi suất là 5%/tháng, sau khi vay bà có đóng lãi được vài tháng việc trả lãi không có giấy tờ chỉ thỏa thuận miệng, sau đó đến năm 2017 do khó khăn nên mới đi làm và ngưng đóng lãi cho đến nay. Mục đích vay tiền để làm ăn, lo cho con ăn học và lấp tiền hụi, sinh hoạt trong gia đình nhưng chồng bà là ông Nguyễn Thành T không biết, đến khi bà E khởi kiện ông T mới hay, nên bà đồng ý trả cho bà E số nợ trên. Bà đồng ý trả cho bà E số tiền 90.000.000 đồng nhưng do gia đình khó khăn nên yêu cầu bà E cho bà trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt, quá trình giải quyết có đơn xin giải quyết vắng mặt và cho rằng không biết số nợ này nên không đồng ý tham gia.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà E, buộc bà L và ông T liên đới trả số tiền là 90.000.000 đồng vì tiền vay trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời bà L trình bày vay tiền lấp hụi và tiêu dùng gia đình, về án phí buộc bà L và ông T liên đới chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân huyện

Thanh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay 90.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L thừa nhận hiện nay còn nợ 90.000.000 đồng, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn bà L yêu cầu trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà L trả số tiền vay 90.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với nguyên đơn bà E yêu cầu bị đơn ông T cùng bà L liên đới trả số tiền vay 90.000.000 đồng, nhưng ông Nguyễn Thành T cho rằng không biết và không đồng ý, tuy nhiên tại phiên tòa bà L trình bày số tiền vay 90.000.000 đồng là để bà chàng tiền hụi gia đình và lo cho con ăn học, theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: *“Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*, đối chiếu với quy định trên việc bà L vay tiền để chàng tiền hụi và lo cho con đi học nhằm mục đích sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, do đó ông T và bà L là vợ chồng nên ông T cùng có nghĩa vụ chịu trách nhiệm số nợ trên là phù hợp quy định của pháp luật. Nên nguyên đơn bà E yêu cầu ông T và bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 90.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

[3] Về thời gian trả nợ do nguyên đơn bà E và bị đơn bà L không thỏa thuận được Hội đồng xét xử không xem xét, đến giai đoạn thi hành án do cơ quan thi hành án xem xét theo thẩm quyền.

[4] Nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà L và ông T phải chịu án phí 5% trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Từ phân tích nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Bé E về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L, ông Nguyễn Thành T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L và ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Bé E số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L và ông Nguyễn Thành T liên đới phải chịu tiền án phí là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Phan Thị Bé E được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008252 ngày 18-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với ông Nguyễn Thành T vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Nam